TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 3 năm 2023

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy
2. Bà Nguyễn Thị Đoan

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1998

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có mặt, anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 05 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2021 đến nay mỗi người sống một nơi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị N. Ly hôn Chị N đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay Chị N đang làm lao động tự do, thu nhập 8.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với gia đình anh S thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q vào ngày 14/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình anh S. Quá trình chung sống vợ chồng Chị N, anh S có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Chị N và anh S đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị. Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị N, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: anh S, Chị N không có tài sản chung.

Hiện nay anh S làm nghề lao động tự do không cố định địa chỉ, anh S thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh S và thông báo cho anh S biết. Quan điểm của anh S về việc Chị N xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn, về con chung và tài sản chung anh S không có ý kiến gì.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn An Lộng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q vào ngày 14/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Chị N, anh S có mâu thuẫn. Hiện nay Chị N và anh S đã sống ly thân từ tháng 02/2021. Nay Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị N, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Văn S là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị N, anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/3/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau, Chị N đang sinh sống tại thôn Ngọc Minh, xã Q trong khi đó anh S sinh sống tại Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh S không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, xử cho chị được ly hôn anh S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017, hiện con chung đang ở cùng Chị N. Ly hôn Chị N xin nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị N là chính đáng, Chị N có công việc, thu nhập ổn định. Kể từ khi vợ chồng ly thân, Chị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N, anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp nuôi con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/10/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh S không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0004844 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/3/2023), anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh